BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 11: Từ 07/10 Đến 13/10/2024

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVCT1	62TVĐC10_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 07/10	Sáng	1	Lập trình điều khiển Robot công nghiệp Trần Quốc Phương (X22.203)				Vi mạch số lập trình Hoàng Quyết Tiến (X22.204)			An toàn mạng Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)					Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)					
		2													Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.101)	Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.101)					
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6											Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)			Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)				
		7		Tự động hóa điện tòa nhà Nguyễn Bá Thanh (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	Mạng truyền thông công nghiệp Nguyễn Văn Tĩnh (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp nâng cao Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.307)												Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)		
		8																			
		9											Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)			Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)		Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)		
		10																			
Thứ 3 08/10	Sáng	1	Lập trình điều khiển Robot công nghiệp Trần Quốc Phương (X22.203)				Vi mạch số lập trình Hoàng Quyết Tiến (X22.204)			An toàn mạng Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)		Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe-1-1-2024(N02) (...)			Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)					
		2																			
		3													Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)					
		4													Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)	Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)					
		5																			
	Chiều	6											Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.103)			Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)				
		7		Tự động hóa điện tòa nhà Nguyễn Bá Thanh (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	Mạng truyền thông công nghiệp Nguyễn Văn Tĩnh (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp nâng cao Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.307)												Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.104)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.103)		
		8																			
		9											Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)				Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)				
		10											Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)				Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)			
Thứ 4 09/10	Sáng	1	Lập trình điều khiển Robot công nghiệp Trần Quốc Phương (X22.203)				Vi mạch số lập trình Hoàng Quyết Tiến (X22.204)				Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3-1-1-2024(N01) (...)	Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3-1-1-2024(N02) (...)			Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)					
		2																			
		3													Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)					
		4																			
		5																			
	Chiều	6											Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)			Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)				
		7		Tự động hóa điện tòa nhà Nguyễn Bá Thanh (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	Mạng truyền thông công nghiệp Nguyễn Văn Tĩnh (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)					Ktra: Cấu hình và quản trị thiết bị mạng-1-1-2024(N01) Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)								Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)		
		8																			
		9																			
		10																			

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVCT1	62TVĐC10_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 10/10	Sáng	1	Lập trình điều khiển Robot công nghiệp Trần Quốc Phương (X22.203)			Ktra: Hệ thống máy lạnh công nghiệp nâng cao-1-1-2024(N01) (...)	Vi mạch số lập trình Hoàng Quyết Tiến (X22.204)								Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)	Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)					
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6		Tự động hóa điện tòa nhà Nguyễn Bá Thanh (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	Mạng truyền thông công nghiệp Nguyễn Văn Tĩnh (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)								Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)			Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.104)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)		
		7																			
		8											Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.102)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.103)			Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.102)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.104)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.103)		
		9																			
		10																			
Thứ 6 11/10	Sáng	1	Lập trình điều khiển Robot công nghiệp Trần Quốc Phương (X22.203)				Vi mạch số lập trình Hoàng Quyết Tiến (X22.204)														
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6		Tự động hóa điện tòa nhà Nguyễn Bá Thanh (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	Mạng truyền thông công nghiệp Nguyễn Văn Tĩnh (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)																
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 12/10	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 11: Từ 07/10 Đến 13/10/2024

LỚP			62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 07/10	Sáng	1	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)											CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)	
		2	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)											Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	
		3													Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	
		4	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)											Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	
		5																			
	Chiều	6			Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)								Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)			
		7												CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)			
		8			Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)								Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)			
		9			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.401)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.401)															
		10																			
Thứ 3 08/10	Sáng	1													Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	
		2													Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)		
		3													CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	
		4													Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.404)			Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.404)	
		5																			
	Chiều	6	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)								Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)			
		7																			
		8	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)								Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)				Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)			
		9												Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.403)				Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.403)			
		10			Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)															
Thứ 4 09/10	Sáng	1	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)												Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.404)				Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.404)	
		2																			
		3	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)												Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)				Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	
		4	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)												CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)	
		5	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)																	
	Chiều	6			Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.401)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.401)								Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)			Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)		
		7													Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.406)				Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.406)		
		8			Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.401)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.401)								Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)			
		9													Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)				Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)		
		10												Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)				Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)			

LỚP			62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 10/10	Sáng	1	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)												Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)	
		2	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)																	
		3	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)												Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	
		4														CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	
		5	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)												Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)				Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)	
	Chiều	6			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)								Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)		
		7			Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)								CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.406)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.406)		
		8			CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)								CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)			
		9			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)								Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)			Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)		
		10			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)															
Thứ 6 11/10	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	HĐTNHN Phạm Thanh Mai (H5.202)	HĐTNHN Phạm Thanh Mai (H5.202)	HĐTNHN Lê Thị Thảo (H5.401)	HĐTNHN Lê Thị Thảo (H5.401)								HĐTNHN Chu Thị Tính (H5.403)	HĐTNHN Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	HĐTNHN Lê Thị Tố Quyên (H5.404)		HĐTNHN Chu Thị Tính (H5.403)	HĐTNHN Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	HĐTNHN Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 12/10	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 11: Từ 07/10 Đến 13/10/2024

LỚP			62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1
THỨ	**BUỔI**	**TIẾT**																			
Thứ 2 07/10	**Sáng**	1			**LĐ**													Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.407)		
		2																			
		3																CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		
		4																Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.407)		
		5																			
	Chiều	6			Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.402)			Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.101)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.101)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.402)
		7																			
		8			Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)					Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.407)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)
		9						Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)						
		10			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)								Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.406)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.406)							Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)
Thứ 3 08/10	**Sáng**	1								Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.103)			Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.106)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.103)			Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.406)		CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)	
		2								CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)					CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)					Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.407)	
		3								CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)		Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)	
		4								Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)					Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	
		5																Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)		Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)	
	Chiều	6			Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	**LĐ**									Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)		Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)
		7																	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		
		8			CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)												CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)
		9			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)										Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)
		10																	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		
Thứ 4 09/10	**Sáng**	1								Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)					Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)			Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.407)		
		2																			
		3								Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.104)					Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.104)			CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.407)		
		4								Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)					Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)		
		5																CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)		
	Chiều	6			Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.402)			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.101)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.101)						CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)	Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.402)
		7						Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)										Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	
		8			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)								Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.101)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.101)						Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)
		9						CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)							
		10											CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)						Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)	

LỚP			62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 10/10	Sáng	1						LĐ	LĐ				Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)				Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.406)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)	
		2											CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)	
		3											CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.106)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.106)				Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)		Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.407)	
		4											Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.106)				Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.104)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)	
		5																			
	Chiều	6			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)					Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)						CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)
		7			Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)					Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)						Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)
		8						CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)												
		9			Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)			Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)					Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)						Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)
		10			CCĐ Toán học 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)																CCĐ Toán học 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)
Thứ 6 11/10	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6			HĐTNHN Nguyễn Hoài Anh (H5.402)			HĐTNHN Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐTNHN Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐTNHN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			HĐTNHN Nguyễn Thị Huyền (H5.203)	HĐTNHN Nguyễn Thị Huyền (H5.203)	HĐTNHN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			HĐTNHN Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	HĐTNHN Trần Thị Hằng (H5.302)	HĐTNHN Lê Thị Quyên (H5.407)	HĐTNHN Nguyễn Hoài Anh (H5.402)
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 12/10	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 11: Từ 07/10 Đến 13/10/2024

LỚP			62TVS2	62TVS3	62TVS4	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 07/10	Sáng	1				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.407)			Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái ()		Lắp đặt tủ điện công nghiệp Trịnh Xuân Bình (X23.203.Phòng học Điện tử)						Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	
		2	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)																	
		3				CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)														
		4	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)		Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.407)														
		5	CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)																	
	Chiều	6						Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)		Máy điện Phan Thị Lý (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Trịnh Xuân Bình (X23.203.Phòng học Điện tử)			Tiện Bùi Thị Len (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương (H3.207)	Quản lý và bổ sung hàng hóa Trần Huy Quảng (H3.208)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)		Quản trị mạng với Windows Server Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)
		7																			
		8						Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.407)													
		9																			
		10																			
Thứ 3 08/10	Sáng	1	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.107)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.107)		Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)		CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)		Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái ()		Lắp đặt tủ điện công nghiệp Trịnh Xuân Bình (X23.203.Phòng học Điện tử)				Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.207)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Nguyễn Thị Hường (H3.101)
		2	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)				Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.407)													
		3				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)		Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)													
		4	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.107)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.107)				Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)													
		5				Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)		Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)													
	Chiều	6					Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)			Máy điện Phan Thị Lý (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Trịnh Xuân Bình (X23.203.Phòng học Điện tử)			Tiện Bùi Thị Len (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương (H3.207)	Quản lý và bổ sung hàng hóa Trần Huy Quảng (H3.208)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)		Quản trị mạng với Windows Server Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)
		7					Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)														
		8																			
		9					Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)														
		10					CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)														
Thứ 4 09/10	Sáng	1	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)		Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.407)			Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái ()		Lắp đặt tủ điện công nghiệp Trịnh Xuân Bình (X23.203.Phòng học Điện tử)				Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.207)	Quản lý và bổ sung hàng hóa Trần Huy Quảng (H3.208)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	
		2	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)																	
		3	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)		CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.407)														
		4	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.107)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.107)		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)														
		5				CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)														
	Chiều	6						CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		Máy điện Phan Thị Lý (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Trịnh Xuân Bình ()			Tiện Bùi Thị Len (X10.203_PHLT Khoa CK)	Thuế Trần Việt Anh (H3.207)	Bảo quản hàng hóa Lương Thị Hương (H3.208)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Nguyễn Thị Hường (H3.206)
		7						Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)													
		8						Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)													
		9						Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)													
		10																			

LỚP			62TVS2	62TVS3	62TVS4	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 10/10	Sáng	1	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)		Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.406)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái ()		Lắp đặt tủ điện công nghiệp Trịnh Xuân Bình (X23.203.Phòng học Điện tử)			Tiện Bùi Thị Len (X10.203_PHLT Khoa CK)	Thuế Trần Việt Anh (H3.105)	Quản lý và bổ sung hàng hóa Trần Huy Quảng (H3.208)			Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	
		2	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)													
		3				Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)		Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.407)													
		4	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.107)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.107)		Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.104)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)													
		5																			
	Chiều	6								Máy điện Phan Thị Lý (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)					Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.207)	Bảo quản hàng hóa Lương Thị Hương (H3.208)				Quản trị mạng với Windows Server Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 6 11/10	Sáng	1								Máy điện Phan Thị Lý ()		Lắp đặt tủ điện công nghiệp Trịnh Xuân Bình (X23.203.Phòng học Điện tử)			Tiện Bùi Thị Len (X10.203_PHLT Khoa CK)		Quản lý và bổ sung hàng hóa Trần Huy Quảng (H3.208)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	HĐTNHN Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐTNHN Trần Thị Kim Liên (H5.303)		HĐTNHN Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	HĐTNHN Trần Thị Hằng (H5.302)	HĐTNHN Lê Thị Quyên (H5.407)			Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)						Bảo quản hàng hóa Lương Thị Hương (H3.208)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 12/10	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 11: Từ 07/10 Đến 13/10/2024

LỚP			63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 07/10	Sáng	1	Kỹ thuật cảm biến Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Máy điện Trần Thị Thơm (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Thiết bị điện gia dụng Hoàng Văn Hùng (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)		Điện tử cơ bản Đoàn Mạnh Hà ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()	Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Cung cấp điện Ng Hồng Thao ()			Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Nguyễn Việt Cường (X22.104)		PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.109)	Điện tử tương tự Dương Thanh Huệ (X22.302)	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Minh Khang (X22.107)		
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.304)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)										Trang bị điện Lê Trung Thịnh (X22.104)					
		7																			
		8	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)		Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)															
		9																			
		10	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)															
Thứ 3 08/10	Sáng	1	Kỹ thuật cảm biến Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Máy điện Trần Thị Thơm (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Thiết bị điện gia dụng Hoàng Văn Hùng (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.105.TH Đo lường điện)	Điện tử cơ bản Đoàn Mạnh Hà ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()	Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Cung cấp điện Ng Hồng Thao ()			Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Nguyễn Việt Cường (X22.104)		PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.109)	Điện tử tương tự Dương Thanh Huệ (X22.302)	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Minh Khang (X22.107)		
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)		Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)										Trang bị điện Lê Trung Thịnh (X22.104)					
		7	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)																		
		8	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)		Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)	Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)															
		9			Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)															
		10	CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)																		
Thứ 4 09/10	Sáng	1	Kỹ thuật cảm biến Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Máy điện Trần Thị Thơm (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Thiết bị điện gia dụng Hoàng Văn Hùng (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.105.TH Đo lường điện)	Điện tử cơ bản Đoàn Mạnh Hà ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()	Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Cung cấp điện Ng Hồng Thao ()			Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Nguyễn Việt Cường (X22.104)		PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.109)	Điện tử tương tự Dương Thanh Huệ (X22.302)	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Minh Khang (X22.107)		
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)										Trang bị điện Lê Trung Thịnh (X22.104)					
		7																			
		8	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)		Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)	Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)															
		9	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.307)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.307)															
		10			CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)															

LỚP			63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 10/10	Sáng	1	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Bá Thanh ()	Máy điện Trần Thị Thơm (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Thiết bị điện gia dụng Hoàng Văn Hùng (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.105.TH Đo lường điện)	Điện tử cơ bản Đoàn Mạnh Hà ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()	Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Cung cấp điện Ng Hồng Thao ()			Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Nguyễn Việt Cường (X22.104)		PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	Ktra: Điện tử tương tự-1-1-2024(N02) Dương Thanh Huệ (...)	Ktra: Điện tử công suất-1-1-2024(N02) Nguyễn Văn Chiều (...)		
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)										Trang bị điện Lê Trung Thịnh (X22.104)					
		7			CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)															
		8	CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)															
		9	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.304)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)															
		10																			
Thứ 6 11/10	Sáng	1	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Bá Thanh ()		Thiết bị điện gia dụng Hoàng Văn Hùng (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.105.TH Đo lường điện)	Điện tử cơ bản Đoàn Mạnh Hà ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()	Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Cung cấp điện Ng Hồng Thao ()	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Duy Thanh ()	Cung cấp điện Đặng Việt Hùng ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Nguyễn Việt Cường (X22.104)		Ktra: Kỹ thuật lạnh cơ bản-1-1-2024(N04) Nguyễn Trí Đức (...)	Ktra: Điện tử cơ bản-1-1-2024(N02) Phạm Ngọc Ánh (...)	Ktra: Bộ biến đổi AC/DC-1-1-2024(N03) Nguyễn Minh Khang (...)	Tách: Điện tử tương tự-1-1-2024(N04) Nguyễn Chí Thành (...) Điện tử tương tự-1-1-2024(N05) Nguyễn Văn Chiều (...)	Điện tử tương tự Phạm Đức Tùng ()
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6									Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Duy Thanh ()	Cung cấp điện Đặng Việt Hùng ()								Tách: Điện tử tương tự-1-1-2024(N04) Nguyễn Chí Thành (...) Điện tử tương tự-1-1-2024(N05) Nguyễn Văn Chiều (...)	Điện tử tương tự Phạm Đức Tùng ()
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 12/10	Sáng	1									Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Duy Thanh ()	Cung cấp điện Đặng Việt Hùng ()								Tách: Điện tử tương tự-1-1-2024(N04) Nguyễn Chí Thành (...) Điện tử tương tự-1-1-2024(N05) Nguyễn Văn Chiều (...)	Điện tử tương tự Phạm Đức Tùng ()
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6									Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Duy Thanh ()	Cung cấp điện Đặng Việt Hùng ()								Tách: Điện tử tương tự-1-1-2024(N04) Nguyễn Chí Thành (...) Điện tử tương tự-1-1-2024(N05) Nguyễn Văn Chiều (...)	Điện tử tương tự Phạm Đức Tùng ()
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 11: Từ 07/10 Đến 13/10/2024

LỚP			63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 07/10	Sáng	1	Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Công nghệ chế tạo máy Vũ Minh Cường (X9.101_Phòng LT Khoa Cơ khí)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện-Phay- bào)								Ktra: Tiếng anh chuyên ngành-1-1-2024(N03) Nguyễn Thị Hường (H2.302_TH QTM)	Ktra: Tiếng anh chuyên ngành-1-1-2024(N01) Tạ Văn Khoa (H3.101)				Ktra: Lập trình căn bản-1-1-2024(N02) Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Vũ Lệ Thu (H3.105)		Tiếng anh chuyên ngành Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.304)				Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)				Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.201)				Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)
		7																			
		8	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)				Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)				Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.203)		Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.203)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)
		9					Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.306)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)											Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)
		10	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)										Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)				CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)
Thứ 3 08/10	Sáng	1	Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Công nghệ chế tạo máy Vũ Minh Cường (X9.101_Phòng LT Khoa Cơ khí)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện-Phay- bào)		Tài chính doanh nghiệp Đặng Thị Thu Hà (H3.206)	Kế toán doanh nghiệp I Trần Việt Anh (H3.205)	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.208)				Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.204.TH KHOA TIN)	Tin học văn phòng Phan Hoàng Lan (H2.203_TH Tin Đại cương)				Kỹ thuật điện – điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Vũ Lệ Thu (H3.105)	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)	Tiếng anh chuyên ngành Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)				Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.203)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.203)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)
		7	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)				Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.302)	Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.302)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)								
		8	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)				CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)						Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)				Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)
		9					CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)				CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)				Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)		Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.301)	Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.301)
		10	CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)				Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)						Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)				Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)		
Thứ 4 09/10	Sáng	1	Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Công nghệ chế tạo máy Vũ Minh Cường (X9.101_Phòng LT Khoa Cơ khí)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện-Phay- bào)		Tài chính doanh nghiệp Đặng Thị Thu Hà (H3.206)	Kế toán doanh nghiệp I Trần Việt Anh (H3.205)	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.106)				Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.204.TH KHOA TIN)	Tin học văn phòng Phan Hoàng Lan (H2.203_TH Tin Đại cương)			Lập trình căn bản Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)	Kỹ thuật điện – điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)		Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)	Tiếng anh chuyên ngành Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.304)				Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)				Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)		Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)
		7						Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)				CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)				CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)		CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)		
		8	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)						Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)				Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)		Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)
		9	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)				Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)				Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.201)				Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)
		10					CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)								CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)		CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)

LỚP			63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 10/10	Sáng	1		Công nghệ chế tạo máy Vũ Minh Cường (X9.101_Phòng LT Khoa Cơ khí)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện-Phay- bào)		Thuế Lương Thị Hương (H3.206)	Tài chính doanh nghiệp Đặng Thị Thu Hà (H3.205)	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.207)				Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.204.TH KHOA TIN)				Lập trình căn bản Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)	Kỹ thuật điện – điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)				Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.306)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.302)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.302)				Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Tin học văn phòng Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)			Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)
		7						CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.302)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.302)								Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)
		8	CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)				Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)				CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		
		9	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.304)				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.302)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.302)				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Văn Quang (H5.201)				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.301)
		10																			
Thứ 6 11/10	Sáng	1		Công nghệ chế tạo máy Vũ Minh Cường (X9.101_Phòng LT Khoa Cơ khí)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện-Phay- bào)	Hàn hồ quang tay Lê Văn Nam ()	Thuế Lương Thị Hương (H3.206)		Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.207)	Thuế Trần Việt Anh ()	Thuế Trần Việt Anh ()	Quản lý và bổ sung hàng hóa Đặng Thị Thu Hà ()			Tiếng anh chuyên ngành Tạ Ngọc Dũng ()	Thiết kế mạng LAN Hoàng Tùng ()	Lập trình căn bản Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)				
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6				Hàn hồ quang tay Lê Văn Nam ()				Thuế Trần Việt Anh ()	Thuế Trần Việt Anh ()	Quản lý và bổ sung hàng hóa Đặng Thị Thu Hà ()			Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Thiết kế mạng LAN Hoàng Tùng ()				Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)	
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 12/10	Sáng	1				Hàn hồ quang tay Lê Văn Nam ()				Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()	Nhận xuất hàng Đặng Đình Hiên ()			Tiếng anh chuyên ngành Tạ Ngọc Dũng ()	Thiết kế mạng LAN Hoàng Tùng ()					
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6				Hàn hồ quang tay Lê Văn Nam ()				Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()	Nhận xuất hàng Đặng Đình Hiên ()			Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Thiết kế mạng LAN Hoàng Tùng ()					
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 11: Từ 07/10 Đến 13/10/2024

LỚP			63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CCT1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1	64CKT1	64CLG1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 07/10	Sáng	1							Tiếng anh chuyên ngành Phùng Thị Minh Phương (H3.103)		Ktra: Tiếng anh chuyên ngành-1-1-2024(N14) Kim Thị Thương (H3.104)	Soạn thảo văn bản điện tử Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Vẽ kĩ thuật Bùi Thị Len (X10.203_PHLT Khoa CK)				Vẽ kỹ thuật Triệu Đình Sơn (X22.304)		Kinh tế vi mô Vũ Thị Tuyết (H3.106)	Kinh tế vi mô Vũ Thị Tuyết (H3.106)
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6			Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.201)	Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.303)	Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.303)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)		Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến (X22.108)	Vẽ điện Phạm Quang Thắng (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Vẽ điện Chu Quốc Thái (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)		Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến (X22.108)		
		7																		
		8			Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.404)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)								
		9			Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)				Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.306)								
		10					CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)											
Thứ 3 08/10	Sáng	1							Tiếng anh chuyên ngành Phùng Thị Minh Phương (H3.103)				Vẽ kĩ thuật Bùi Thị Len (X10.203_PHLT Khoa CK)				Vẽ kỹ thuật Triệu Đình Sơn (X22.304)		Kinh tế vi mô Vũ Thị Tuyết (H3.106)	Kinh tế vi mô Vũ Thị Tuyết (H3.106)
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6			Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.404)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.404)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)		Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến (X22.108)	Vẽ điện Phạm Quang Thắng (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Vẽ điện Chu Quốc Thái (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)		Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến (X22.108)		
		7					Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)			Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)								
		8			Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)								
		9			CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.303)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.303)	CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)								
		10			Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)			Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)								
Thứ 4 09/10	Sáng	1								Photoshop Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Photoshop Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Vẽ kĩ thuật Bùi Thị Len (X10.203_PHLT Khoa CK)				Vẽ kỹ thuật Triệu Đình Sơn (X22.304)		Kinh tế vi mô Vũ Thị Tuyết (H3.105)	Kinh tế vi mô Vũ Thị Tuyết (H3.105)
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6			Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan ()	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan ()	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)		Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến (X22.108)	Vẽ điện Phạm Quang Thắng (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Vẽ điện Chu Quốc Thái (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)		Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến (X22.108)		
		7			Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)			CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)											
		8			CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)								
		9			Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.404)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.404)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.201)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)								
		10					CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)		CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)								

LỚP			63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CCT1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1	64CKT1	64CLG1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 10/10	Sáng	1							Tiếng anh chuyên ngành Phùng Thị Minh Phương (H3.104)		Photoshop Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Soạn thảo văn bản điện tử Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)					Vẽ kỹ thuật Triệu Đình Sơn (X22.304)			
		2																		
		3																	Kinh tế vi mô Vũ Thị Tuyết (H3.106)	Kinh tế vi mô Vũ Thị Tuyết (H3.106)
		4																		
		5																		
	Chiều	6			Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.202)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.303)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.306)	KĨ thuật đo lường Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)	Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến (X22.108)	Vẽ điện Phạm Quang Thắng (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Vẽ điện Chu Quốc Thái (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)		Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến (X22.108)		
		7					Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)												
		8			CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)								
		9			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Văn Thành (H5.202)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Văn Thành (H5.202)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Văn Quang (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.306)								
		10																		
Thứ 6 11/10	Sáng	1	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Hoàng ()	Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương ()							Photoshop Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Ktra: Bảo trì máy tính-1-1-2024(N09) Phùng Ngọc Hùng (H3.201_TH KTXS)					Vẽ kỹ thuật Triệu Đình Sơn (X22.304)			
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Hoàng ()	Kỹ thuật điện – điện tử Tạ Ngọc Dũng ()						Photoshop Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Photoshop Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		KĨ thuật đo lường Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)	Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến (X22.108)				Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến (X22.108)		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 12/10	Sáng	1	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Hoàng ()	Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương ()																
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Hoàng ()	Kỹ thuật điện – điện tử Tạ Ngọc Dũng ()																
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 11: Từ 07/10 Đến 13/10/2024

LỚP			64CQM1	64CS1	64CTM1	64CTT1	64CVP1	64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐH1	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 07/10	Sáng	1		Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2024(N02) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-24(N01) Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)				Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)
		2							CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)			CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)		Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.401)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)		
		3						CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.306)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)		Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.302)		Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.302)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	
		4						Vật lý 10_1 Chu Thị Tình (H5.301)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)			Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)
		5							Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.306)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)					CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)		Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	
	Chiều	6	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)			Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Tiến Sỹ (Nhà thi đấu_02)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.105)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang (Nhà thi đấu_01)	Tin học Lê Hoàng (H3.203_TH Máy tính)	Tin học Phùng Ngọc Hùng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)			An toàn lao động Nguyễn Thị Ngọc Xuân (X22.303)		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_03)	An toàn lao động Bùi Công Kết (X22.301)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.106)	
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 3 08/10	Sáng	1		Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2024(N02) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-24(N01) Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)				Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)		Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.401)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.102)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	
		2								CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)			Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hỏa (H5.401)					Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	
		3						CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)		CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)		Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.402)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		
		4							Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hỏa (H5.201)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.307)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.402)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	
		5						Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)				Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.201)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hỏa (H5.302)			Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hỏa (H5.302)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	
	Chiều	6	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)			Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Tiến Sỹ (Nhà thi đấu_02)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang (Nhà thi đấu_01)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)		Tin học Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		An toàn lao động Nguyễn Thị Ngọc Xuân (X22.303)		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_03)	An toàn lao động Bùi Công Kết (X22.301)	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.205)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 4 09/10	Sáng	1		Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2024(N02) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-24(N01) Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)				Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.201)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.402)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	
		2								Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)						Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)					
		3						Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)		CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)
		4							Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.306)	CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hỏa (H5.201)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)		Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		
		5						Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.301)		CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hỏa (H5.302)		Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hỏa (H5.302)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.304)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)
	Chiều	6	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)			Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (Nhà thi đấu_01)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.205)	Tin học Lê Hoàng (H3.203_TH Máy tính)		Tin học Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		An toàn lao động Nguyễn Thị Ngọc Xuân (X22.303)		Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	An toàn lao động Bùi Công Kết (X22.301)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_02)	
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

LỚP			64CQM1	64CS1	64CTM1	64CTT1	64CVP1	64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐH1	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 10/10	Sáng	1		Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2024(N02) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-24(N01) Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)				CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tô Quyên (H5.204)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)
		2						Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)		Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.302)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.102)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.302)		
		3						CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)										CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	
		4						HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.302)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.402)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)
		5									Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)								HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)
	Chiều	6		Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2024(N02) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-24(N01) Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)				Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.105)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (Nhà thi đấu_02)		Tin học Lê Hoàng (H3.203_TH Máy tính)	Tin học Phùng Ngọc Hùng (H2.203_TH Tin Đại cương)		Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.101)	An toàn lao động Nguyễn Thị Ngọc Xuân (X22.303)	Tin học Tạ Văn Khoa (H3.111_TH THCB)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (Nhà thi đấu_03)	An toàn lao động Bùi Công Kết (X22.301)		Tin học Tạ Văn Khoa (H3.111_TH THCB)
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 6 11/10	Sáng	1		Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2024(N02) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-24(N01) Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)										Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)						Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (Nhà thi đấu_01)	
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6						Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (Nhà thi đấu_01)		Tin học Phùng Ngọc Hùng (H2.203_TH Tin Đại cương)					Tin học Tạ Văn Khoa (H3.111_TH THCB)			Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	Tin học Tạ Văn Khoa (H3.111_TH THCB)
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 12/10	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 11: Từ 07/10 Đến 13/10/2024

LỚP			64TKT1	64TKT2	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 07/10	Sáng	1	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	CCD Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	CCD Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.104)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		2		Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.401)		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	CCD Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)								CCD Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Văn (H5.306)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.403)
		3	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)				Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)		Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	CCD Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)	CCD Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.306)	CCD Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)	CCD Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)
		4	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)		Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)		Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	CCD Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)		Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
		5				CCD Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)		CCD Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.104)				Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	CCD Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)		Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.306)		
	Chiều	6	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang (Nhà thi đấu_01)				Tin học Lê Hoàng (H3.203_TH Máy tính)		Tin học Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)		Tin học Tạ Văn Khoa (H3.111_TH THCB)			Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.106)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_03)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Tiến Sỹ (Nhà thi đấu_02)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.105)		Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 3 08/10	Sáng	1	CCD Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.401)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.102)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.104)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	CCD Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)
		2	CCD Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.401)		CCD Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)		CCD Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)		Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	CCD Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	CCD Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)			CCD Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.403)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.403)
		3	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)			CCD Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)		CCD Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	CCD Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.402)	CCD Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)			
		4	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCD Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)		Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.307)				Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.402)		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
		5		CCD Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)		CCD Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)		CCD Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)		CCD Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCD Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCD Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)		CCD Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	CCD Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
	Chiều	6	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang (Nhà thi đấu_01)			Tiếng Anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.101)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)		Tin học Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)		Tin học Tạ Văn Khoa (H3.111_TH THCB)		Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H3.103)	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.205)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_03)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Tiến Sỹ (Nhà thi đấu_02)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()		
		7																	
		8																	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		9																	
		10																	
Thứ 4 09/10	Sáng	1	CCD Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.303)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.303)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.106)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	CCD Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	CCD Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	CCD Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.402)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.403)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.403)
		2	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)		Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)							Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)						
		3	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	CCD Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	CCD Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.106)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	CCD Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)
		4	CCD Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)					Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)		CCD Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)			Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.304)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)		Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.306)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		5	CCD Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)			Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	CCD Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.106)	CCD Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCD Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCD Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.301)		Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.403)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.403)
	Chiều	6	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.205)		Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.104)	Tiếng Anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.101)	Tin học Lê Hoàng (H3.203_TH Máy tính)		Tin học Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)		Tin học Tạ Văn Khoa (H3.111_TH THCB)			Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_02)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (Nhà thi đấu_01)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()		
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

LỚP			64TKT1	64TKT2	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 10/10	Sáng	1	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.101)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.203)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		2	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.102)				Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)				Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)			
		3				Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)				CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)
		4	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.402)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.403)
		5					Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)												
	Chiều	6		Tiếng Anh 1 Trần Thu Hướng (H3.103)			Tin học Lê Hoàng (H3.203_TH Máy tính)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.101)		Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.407)		Tiếng Anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.104)			Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (Nhà thi đấu_03)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.105)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (Nhà thi đấu_02)	Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	
		7																	
		8																	
		9								Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.407)									
		10																	
Thứ 6 11/10	Sáng	1		Tiếng Anh 1 Trần Thu Hướng (H3.104)		Tiếng Anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.105)		Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)		Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.101)		Tiếng Anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.106)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (Nhà thi đấu_01)					
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (Nhà thi đấu_01)		Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.104)								Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H3.103)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()		Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)		Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 12/10	Sáng	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	